

Bản án số: 13/2018/KDTM-ST
Ngày: 02-8-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 16/2018/TLST-KDTM ngày 17/4/2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-KDTM ngày 29/6/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH H; địa chỉ: Lô N4, đường N7-D3, Khu công nghiệp N, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lu Yu T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn P, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: Ấp 1, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên lạc: Lô N4, đường N7-D3, Khu công nghiệp N, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 28/3/2018). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH S; địa chỉ: Lô H1, đường N3, Khu công nghiệp N, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Yang H; chức vụ: Giám đốc; địa chỉ thường trú: 9 Groups in Bao Wan, Bao Wan Village, New Wild County, Henan Province, Trung Quốc; địa chỉ liên lạc: Lô H1, đường N3, Khu công nghiệp N, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2018, nguyên đơn Công ty TNHH H và ông Nguyễn P là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:** Công ty TNHH H (sau đây viết tắt là Công ty H) có quan hệ mua bán hàng hoá với Công ty TNHH S (sau đây viết tắt là Công ty S). Từ ngày 09/10/2017 đến ngày 06/12/2017, Công ty S nhiều lần mua sơn, dầu chuối, bột trét và màu của Công ty H với tổng giá trị hàng hóa là 1.112.285.350 đồng. Công ty H đã xuất các Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001546 ngày 09/10/2017; số 0001583 ngày 18/10/2017; số 0001618 ngày 27/10/2017; số 0001658 ngày 07/11/2017; số 0001726 ngày 22/11/2017; số 0001733 ngày 24/11/2017; số 0001794 ngày 06/12/2017.

Công ty S đã nhận hàng đầy đủ nhưng chưa thanh toán cho Công ty H khoản tiền nào mặc dù Công ty H đã nhiều lần yêu cầu Công ty S thanh toán. Vì vậy, Công ty H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty S phải thanh toán cho Công ty H tiền mua hàng hóa gồm sơn, dầu chuối, bột trét, màu là 1.112.285.350 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,66%/tháng là 1.112.285.350 đồng x 1,66%/tháng x 03 tháng = 55.391.810 đồng. Tổng số tiền Công ty TNHH H yêu cầu Công ty TNHH S phải thanh toán là 1.167.677.160 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi đồng).

Tại phiên tòa, ông Nguyễn P đại diện cho nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH H tiền nợ gốc là 1.112.285.350 đồng và thanh toán tiền nợ lãi theo mức lãi suất quá hạn bình quân của 03 Ngân hàng thương mại trên địa bàn thị xã T tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, tính tròn là 07 tháng, cụ thể với số tiền là 1.112.285.350 đồng x 1,27%/tháng x 07 tháng = 98.882.168 đồng.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng Công ty TNHH S không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Xác định trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán đã tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục phiên tòa, tuy nhiên, đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử là quá thời hạn luật định.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” mà bị đơn có trụ sở tại thị xã T và nguyên đơn đề nghị TAND thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 30, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, bị đơn Công ty TNHH S đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vắng mặt và bị đơn được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH S.

Về nội dung vụ án:

[1] Căn cứ các chứng cứ, các giấy tờ do nguyên đơn cung cấp xác định được Công ty TNHH H (sau đây gọi tắt là Công ty H) và Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty S) có thỏa thuận mua bán hàng hóa với nhau, hai bên không lập hợp đồng mà giao hàng theo yêu cầu của bên mua và thanh toán theo hóa đơn. Bên mua hàng là Công ty S đã ký xác nhận số công nợ chưa thanh toán. Như vậy, việc nguyên đơn cho rằng bị đơn không thanh toán tiền mua hàng theo thỏa thuận là có căn cứ.

[2] Về số nợ gốc: Căn cứ các Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001546 ngày 09/10/2017; số 0001583 ngày 18/10/2017; số 0001618 ngày 27/10/2017; số 0001658 ngày 07/11/2017; số 0001726 ngày 22/11/2017; số 0001733 ngày 24/11/2017; số 0001794 ngày 06/12/2017 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Công ty H có cung cấp cho Tòa án văn bản của bị đơn về việc đề nghị thanh toán nợ đề ngày 02/7/2018 thừa nhận có mua hàng hóa của nguyên đơn và cam kết sẽ thanh toán toàn bộ số tiền mua hàng còn nợ là 1.112.285.350 đồng cho nguyên đơn thành nhiều đợt, cụ thể: Ngày 10/7/2018 thanh toán 300.000.000 đồng; ngày 10/8/2018 thanh toán 300.000.000 đồng; ngày 10/9/2018 thanh toán 300.000.000 đồng và ngày 10/10/2018 thanh toán số tiền còn lại. Đây là chứng cứ xác định trách nhiệm trả nợ của bị đơn nên có đủ căn cứ khẳng định Công ty S có nợ Công ty H số tiền nêu trên. Theo quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng cho bên bán. Theo nội dung cam kết ngày 02/7/2018 thì bị đơn cam kết sẽ thanh toán tiền mua hàng cho nguyên đơn thành nhiều đợt, đợt 1 ngày 10/7/2018 thanh toán 300.000.000 đồng nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Việc chậm thanh toán tiền mua hàng của bị đơn là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền nợ gốc với số tiền 1.112.285.350 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi: Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thống nhất với kết của xác minh của Tòa án về mức lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng trên địa bàn thị xã T xác định mức lãi suất quá hạn trung bình là 1,27%/tháng, yêu cầu bị đơn thanh toán lãi suất chậm trả với số tiền là 98.882.168 đồng. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc thanh toán lãi suất chậm trả là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bị đơn Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH H các khoản tiền sau:

- Tiền nợ gốc: 1.112.285.350 đồng;
- Tiền lãi chậm thanh toán: 98.882.168 đồng;

Tổng cộng là: 1.211.167.518 đồng

Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp.

[4] Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 30; Điều 35; Điều 36; Điều 92; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 243; Điều 244; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 24, 34, 50 và 306 Luật Thương mại;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H đối với bị đơn Công ty TNHH S về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

2. Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH H các khoản tiền sau:

- Tiền nợ gốc: 1.112.285.350 đồng;

- Tiền lãi chậm thanh toán: 98.882.168 đồng;

Tổng cộng là: 1.211.167.518 đồng (*Một tỷ hai trăm mười một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm mười tám đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

3. Về án phí:

3.1. Nguyên đơn Công ty TNHH H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty TNHH H số tiền 23.515.000 đồng (*Hai mươi ba triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013861 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

3.2. Bị đơn Công ty TNHH S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 48.335.026 đồng (*Bốn mươi tám triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn không trăm hai mươi sáu đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tấn Tâm